

NAME: CLASS:.....

REVISION FOR THE MID-TERM TEST (1)

VOCABULARY

- UNIT 1: change one's mind (*thay đổi suy nghĩ của một người*), follow in one's footsteps (*nói gót, theo sự nghiệp của ai đó*), lend an ear to (*lắng nghe*)

- UNIT 2: have got a date (*hẹn hò*), relationship (*mối quan hệ*)

- UNIT 3: concentrate (*tập trung*), self-reliance (*sự tự lực, sự độc lập*), prioritise (*ưu tiên*)

*Pronunciation: /ð/, /θ/ và /ed/

* Stress: 2, 3 âm tiết

GRAMMAR

1. Modal verbs (**have to/must/ought to/should + Vo**)

Modal verbs	Meaning	Function	Notes
Should	<i>Nên</i> làm gì	Lời khuyên nhẹ nhàng hoặc suy đoán ai đó nên làm gì
Ought to	<i>Nên</i> làm gì	Lời khuyên bảo có tính chất mạnh hơn <u>should</u> , dựa vào dự đoán thực tế và có tính chất ép buộc
Must	<i>Cần/phải</i> làm gì	- Do người nói áp đặt ý chí lên vấn đề nào đó. - Bắt buộc, cấm đoán , chủ quan của người nói - Xuất phát từ suy nghĩ, cảm nhận của người nói mang tính chủ quan	MUSTN'T: CẤM ĐOÁN (<i>luật lệ, qui định</i>) <i>Ex: You mustn't park here.</i>
Have/has/had to	<i>Cần/phải</i> làm gì	- Do các yếu tố bên ngoài . - Xuất phát từ nội quy hoặc pháp luật , mang tính chất khách quan .	<i>Don't have to: ko cần thiết, ko bắt buộc</i>

2. Linking verbs (**be, become, seem, appear, grow, get, remain, stay, look, sound, smell, taste, feel**)

* **Linking verbs**: trạng thái

EX1: Anna **looks**

A. angry B. angrily

* **Action verbs**: hành động

EX2. Anna **looks** at my face

A. angry B. angrily

3. Cleft sentences: "It is/was that..."

Động từ **hiện tại** dùng **is**

Động từ **quá khứ** dùng **was**

4. S + linking verb (be, seem, sound,...) + Adj + to Vo

It + linking verb (be, seem, sound,...) + Adj + (for O) + to Vo

I. Mark the letter A, B, C, or D to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions.

1. A. kissed B. laughed C. looked D. loved
2. A. stopped B. expected C. finished D. faced
3. A. thoughtful B. threaten C. therefore D. thin
4. A. southern B. growth C. within D. although
5. A. ethic B. breathe C. marathon D. paths

II. Mark the letter A, B, C, or D to indicate the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions.

6. A. campaign B. female C. humour D. partner
7. A. favourite B. recommend C. understand D. volunteer
8. A. reliable B. independent C. responsible D. decisiveness
9. A. laundry B. punish C. depend D. reason
10. A. donate B. compare C. campaign D. flashy

III. Mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the following questions.

A. MODAL VERBS

11. If you still want to maintain this relationship, you ____ behave improperly like that.
A. ought to not B. ought not to C. mustn't D. don't have to
12. Everyone thinks that he _____ follow his father's footsteps and become a doctor.
A. should B. ought C. have to D. must
13. I will give you 5 more minutes to complete your exercise, and you _____ submit it to me at 10:30
A. must B. have to C. should D. ought to

B. LINKING VERBS

14. What's the matter? You look _____.
A. happily B. sadly C. unhappy D. unhappily
15. My darling, you looked ____ in that dress.
A. beauty B. beautify C. beautiful D. beautifully

C. CLEFT SENTENCES

16. It ____ her story made me cry.
A. be B. is C. was D. being
17. It was in 1989 ____ Taylor Swift was born.
A. who B. whom C. which D. that

D. ADJ + TO VO

18. It is important _____ your parents right away.
A. telling B. tell C. not tell D. to tell
19. My parents are glad ____ my success in finding a job after graduation.
A. to see B. seeing C. see D. seen
20. It isn't easy for ____ to take charge of the financial burden on his family.
A. his B. he C. him D. himself